

Số: 19/2021/QĐST-DS

C, ngày 03 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 306/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A;

Trụ sở: 442 N, phường a, quận b, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ - Chức vụ: Giám đốc phòng quản lý nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Xuân S; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: Số 38-40 Trần Phú nối dài, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
(Theo giấy ủy quyền lại số 1195/UQ-QLN.20 ngày 26 tháng 10 năm 2020).

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1970 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:

Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T công nhận có nợ và có nghĩa vụ chung trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai với tổng số tiền là 2.347.383.508 đồng (Hai tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm lẻ tám đồng) trong đó nợ gốc là 2.130.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 26/01/2021 là 217.383.508 đồng (Hai trăm mười bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm lẻ tám đồng).

2.2. Về thời hạn, phương thức trả nợ:

Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai tổng số tiền 2.347.383.508 đồng (Hai tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm lẻ tám đồng) trong đó nợ gốc là 2.130.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 26/01/2021 là 217.383.508 đồng (Hai trăm mười bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm lẻ tám đồng) thành 16 (mười sáu) kỳ trả nợ, cụ thể như sau:

Kỳ 01: Ngày 27 tháng 02 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 02: Ngày 27 tháng 3 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 03: Ngày 27 tháng 4 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 04: Ngày 27 tháng 5 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 05: Ngày 27 tháng 6 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 06: Ngày 27 tháng 7 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 07: Ngày 27 tháng 8 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 08: Ngày 27 tháng 9 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 09: Ngày 27 tháng 10 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 10: Ngày 27 tháng 11 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 11: Ngày 27 tháng 12 năm 2021, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 12: Ngày 27 tháng 01 năm 2022, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 13: Ngày 27 tháng 02 năm 2022, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 14: Ngày 27 tháng 3 năm 2022, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 15: Ngày 27 tháng 4 năm 2022, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 16: Ngày 27 tháng 5 năm 2022, Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T tất toán số tiền nợ gốc là 1.820.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng); tiền nợ lãi tính đến ngày 26/01/2021 là 217.383.508 đồng (Hai trăm mười bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm lẻ tám đồng) và toàn bộ số lãi phát sinh của từng kỳ trả nợ theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN.178.040817 ngày 04/8/2017 và Hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.305.040220 ngày 04/02/2020 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 26/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nH phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong lộ trình trả nợ từ ngày 27 tháng 02 năm 2021 đến ngày 27 tháng 5 năm 2022, ông Trần Văn H và bà Trần Thị T không thực hiện đúng hoặc vi phạm bất kỳ thời hạn trả nợ nào thì tại thời điểm ông Trần Văn H và bà Trần Thị T vi phạm, các kỳ trả nợ tiếp theo xem như hết hiệu lực và Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi toàn bộ các khoản nợ ông Trần Văn H và bà Trần Thị T còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.77.050816 ngày 05/8/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.381.230916 ngày 23/9/2016. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất như sau:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 1.064,3 m². Thửa đất số 124; tờ bản đồ số 77 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 351857 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/8/2014.

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 11.166,6 m². Thửa đất số 76; tờ bản đồ số 48 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 351856 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/8/2014.

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 18.318m². Thửa đất số 67; tờ bản đồ số 41 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 587628 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/9/2016.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H và bà Trần Thị T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 351857 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/8/2014, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 351856 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/8/2014 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 587628 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/9/2016 sau khi ông Trần Văn H và bà Trần Thị T trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

2.4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm trường hợp hoà giải thành trước khi mở phiên tòa là $[72.000.000 \text{ đ} + (347.383.508 \text{ đồng} \times 2\%)] : 2 = 39.473.835 \text{ đồng}$ (Ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng). Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 39.473.835 đồng (Ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 38.501.729 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm lẻ một nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010811 ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

2.5. Về chi phí tố tụng:

Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Ông Trần Văn H và bà Trần Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương